

Điều 2.1.2.6.1 – Phân định thương phẩm là một sản phẩm đơn

Bổ sung vào phần quy định kỹ thuật đối với vật mang dữ liệu, mục chú thích: Đối với thương phẩm được sử dụng trong quá trình sản xuất, duy trì, sửa chữa và đại tu (MRO), các trường hợp chọn lựa vật mang dữ liệu sau được ưu tiên trước các trường hợp nêu trên: GS1-128, GS1 QR và EPC/RFID.

Bổ sung dưới Hình 2.1.2.6.1-3: Đối với quá trình sản xuất và MRO, xem 5.5.2.7.4 bảng 4 – Quy định kỹ thuật về mã vạch của Hệ thống GS1.

Điều 2.1.2.6.2 – Nhóm thương phẩm giống nhau (Trade item groupings of identical trade items)

Sửa đoạn đầu tiên thuộc Quy định kỹ thuật vật mang dữ liệu (Data carrier specification):

Đối với việc sử dụng đa ngành ~~<xóa câu ngoại lệ>~~ các mã vạch thuộc họ mã vạch EAN/UPC (UPC-A, UPC-3 và EAN-13) có thể được sử dụng để mã hóa mã GTIN-12 hoặc GTIN-13 cho nhóm thương phẩm. Nếu được sử dụng thì mã GTIN-8 được mã hóa ở dạng mã vạch EAN-8. Mã GTIN-8 chỉ có thể sử dụng khi tất cả các điều kiện ràng buộc về cỡ gói khác đã được đáp ứng (xem Điều 2.1.2.1.4). Hệ thống nhận diện chuỗi (string) phần tử này bằng số phân định hệ mã vạch **JE0**.

Bổ sung vào phần quy định kỹ thuật đối với vật mang dữ liệu, mục chú thích: Đối với thương phẩm được sử dụng trong quá trình sản xuất, duy trì, sửa chữa và đại tu (MRO), các trường hợp chọn lựa vật mang dữ liệu sau được ưu tiên trước các trường hợp nêu trên: GS1-128, GS1 QR và EPC/RFID.

Bổ sung dưới phần Kích thước X của mã vạch: Đối với quá trình sản xuất và MRO, xem 5.5.2.7.4 bảng 4 – Quy định kỹ thuật về mã vạch của Hệ thống GS1.

Điều 2.1.2.6.3

Bổ sung vào phần quy định kỹ thuật đối với vật mang dữ liệu, mục chú thích: Đối với thương phẩm được sử dụng trong quá trình sản xuất, duy trì, sửa chữa và đại tu (MRO), các trường hợp chọn lựa vật mang dữ liệu sau được ưu tiên trước các trường hợp nêu trên: GS1-128, GS1 QR và EPC/RFID.

Bổ sung dưới phần Kích thước X của mã vạch: Đối với quá trình sản xuất và MRO, xem 5.5.2.7.4 bảng 4 – Quy định kỹ thuật về mã vạch của Hệ thống GS1.

Điều 2.1.4 – Gán mã trực tiếp (Direct marking)

chú ý tất cả các tham chiếu đến điều này cũng phải được cập nhật

Sửa đoạn đầu tiên thuộc mô tả ứng dụng (Application description):

Việc gán mã trực tiếp là quy trình áp dụng cách gán mã cố định lên thương phẩm, để nó được nhận diện trong suốt vòng đời của nó mà không phụ thuộc vào việc đóng gói.

Có ba phương thức gán mã trực tiếp lên thương phẩm:

1. Gán mã phần trực tiếp (DPM): quy trình gán mã vạch trực tiếp lên trên một vật phẩm sử dụng phương thức xâm nhập (intrusive) hoặc không xâm nhập (non-intrusive) thay vì áp dụng một nhãn hay sử dụng quy trình gán mã không trực tiếp khác;
2. Gán nhãn lâu bền (durable labelling): quy trình gán mã vạch vào một nhãn được chủ định dán vĩnh viễn lên thương phẩm.
3. Gán thẻ RFID lâu bền (Durable RFID-tagging): quy trình áp dụng một thẻ RFID được chủ định dán vĩnh viễn lên thương phẩm.

<xóa đoạn tiếp theo>

Các phương án chọn vật mang dữ liệu:

- GS1 DataMatrix
- GS1 QR code
- EPC/RFID

Đối với lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, tập hợp vật mang dữ liệu dưới đây áp dụng cho các thương phẩm tiêu dùng bán lẻ theo quy tắc.

Hình 2.1.4-2. Lựa chọn vật mang dữ liệu cho thương phẩm tiêu dùng bán lẻ thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe theo quy tắc

Lựa chọn ưu tiên	Mã vạch GS1 DataMatrix
Lựa chọn thêm	Xem mục "Quy định kỹ thuật về vật mang dữ liệu - Các lựa chọn vật mang dữ liệu" khuyến nghị về sự lựa chọn thêm mã vạch tại phần cuối mục 2.1.2.4

Bổ sung các Hình sau:

Hình 2.1.4-3. Ví dụ về mã vạch GS1 DataMatrix mã hóa GTIN 352 và AIs (17) và (10) theo 2.1.2.4

Hình 2.1.4-4. Ví dụ về mã vạch GS1 DataMatrix mã hóa GTIN 355 và số xê-ri AI (21) 356

Kích thước X, độ cao tối thiểu và chất lượng của mã vạch

Sửa phần gán nhãn lâu bền (durable labelling):

Xem Điều 5.5.2.7.4, bảng 4 quy định kỹ thuật mã vạch hệ thống GS1.

<xóa bỏ đoạn tiếp theo>

Điều 2.3 – Tài sản (Assets)

Thay số phân định tài sản hệ thống GS1 (GS1 System asset identifier) thành số phân định tài sản GS1 (GS1 asset identifier)

Bổ sung chú thích: các thuộc tính của tài sản phải được ghi lại và chia sẻ dạng số hóa thông qua việc sử dụng số phân định tài sản GS1 làm chìa khóa để mở ra thông tin. Ví dụ về loại thông tin được lưu giữ bao gồm bên làm chủ tài sản, giá trị tài sản, vị trí tài sản và lịch sử vòng đời của tài sản.

Điều 2.3.1 – Số phân định tài sản toàn cầu có thể quay vòng (GRAI):

AI (8003) (Global Returnable Asset Identifier (GRAI): AI (8003))

Sửa câu cuối cùng của phần khóa GS1 (GS1 key)

Xem điều 4.2 về Số phân định tài sản toàn cầu có thể quay vòng (GRAI): AI (8003).

Xóa đoạn văn của phần Thuộc tính (Attributes)

Xóa đoạn văn của phần tùy chọn (Optional)

Điều 2.3.2 – Số phân định tài sản toàn cầu riêng (GIAI): AI (8004)

(Global Individual Asset Identifier (GIAI): AI (8004))

Sửa đoạn 2 và 3 thuộc phần mô tả ứng dụng (Application description)

Chuỗi (string) phần tử này nhận diện một thực thể vật chất cụ thể như một tài sản. Nó không được sử dụng với mục đích khác và phải đơn nhất trong khoảng thời gian đủ cho vòng đời của bản ghi tài sản có liên quan. Dù có hay không, GIAI đã ấn định có thể duy trì với tài sản khi trao tay tùy thuộc vào ứng dụng nghiệp vụ cụ thể. Nếu nó được giữ trên tài sản, thì KHÔNG BAO GIỜ được tái sử dụng nó.

Mã GIAI bao gồm mã doanh nghiệp GS1 của công ty đã gán số phân định tài sản và một Tham chiếu tài sản riêng (xem Điều 3). Tham chiếu tài sản

riêng là chữ và số. Cấu trúc của nó tuân theo quyết định của chủ sở hữu hay quản lý tài sản.

Bổ sung Chú thích: GIAI cho tổ hợp (các thành phần phức hợp) có thể cần được gán mã trên một phần thuộc tổ hợp (còn được gọi là phần chính) khi không có chỗ trống để gán mã GIAI lên tổ hợp. Ví dụ: GIAI cho bộ đệm bên thuộc thiết bị vận tải đường sắt có thể được đưa vào trong nhãn rời gắn trên vỏ đệm, cùng với việc gán lên chính bộ đệm bên đó. Để có thể nhận ra việc gán mã lên tổ hợp PHẢI sử dụng AI (7023) để chỉ rõ GIAI cho tổ hợp

Hình 2.3.2-1- Ví dụ

Xóa đoạn văn của phần Thuộc tính (Attributes)

Sửa phần được yêu cầu (Required)

Không áp dụng.

Sửa phần tùy chọn (Optional)

Không áp dụng.

Điều 2.4.3.2 – Quy định kĩ thuật về địa điểm vật lý (Specification of a physical location)

Bổ sung các nội dung sau:

AI (416) Địa điểm sản xuất hay dịch vụ (Production or service location)

Một chuỗi phần tử có số phân định ứng dụng AI (416) thể hiện mã GLN của địa điểm sản xuất hoặc dịch vụ. Nó có thể, ví dụ, được sử dụng để quy định địa điểm là nơi một thương phẩm hay tài sản đã được sản xuất hoặc cải tạo.

Bổ sung điều 3.7.1 GLN về địa điểm sản xuất hoặc dịch vụ: AI (416)

AI (416) chỉ ra rằng trường dữ liệu chứa GLN của địa điểm sản xuất hoặc dịch vụ.

Mã doanh nghiệp GS1 do Tổ chức GS1 thành viên cấp cho công ty ấn định GLN đó (xem phần 1.4.4).

Cấu trúc và nội dung của số phân định địa điểm là tùy thuộc vào bên xác định địa điểm.

Số kiểm tra được quy định trong phần 7.9. Việc kiểm tra xác nhận số kiểm tra phải được thực hiện trong phần mềm ứng dụng, sẽ đảm bảo mã số được tạo thành một cách chính xác.

Hình 3.7.1-1 Định dạng chuỗi yếu tố

AI Mã doanh nghiệp GS1 Số phân định địa điểm Số kiểm tra

Dữ liệu truyền đi từ đầu đọc mã vạch có nghĩa là chuỗi yếu tố đang biểu thị GLN của địa điểm sản xuất hoặc dịch vụ đã được thu nhận. Chuỗi yếu tố này PHẢI được xử lý cùng với khóa phân định GS1 liên quan. Khi chỉ ra chuỗi yếu tố này trong phần tiêu đề người không đọc được trên nhãn mã vạch, phải sử dụng tiêu đề dữ liệu PROD/SERV LOC.

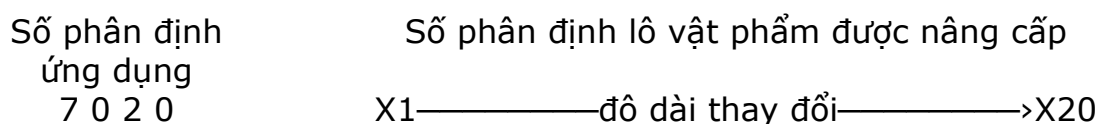
3.8

3.8.1 Phân định lô vật phẩm được nâng cấp: AI (7020)

GS1 AI (7020) chỉ rõ trường dữ liệu GS1 AI chứa số phân định lô vật phẩm được nâng cấp.

Cùng với GTIN mã hóa thương phẩm và GLN mã hóa địa điểm của sản phẩm hoặc dịch vụ, số phân định lô vật phẩm được nâng cấp xác định lô vật phẩm được sản xuất lại theo quy định kĩ thuật gốc sử dụng phương pháp kết hợp giữa tái sử dụng, sửa chữa và bộ phận thay mới. Số phân định này bao gồm cả chữ cái và chữ số, chuỗi có độ dài biến đổi tới 20 kí tự.

Hình 3.8.1-1. Định dạng chuỗi yếu tố



Dữ liệu được truyền đi từ đầu đọc mã vạch có nghĩa là chuỗi yếu tố đang biểu thị số phân định lô vật phẩm được nâng cấp đã được thu nhận. Chuỗi yếu tố này PHẢI được xử lý cùng với GLN mã hóa địa điểm sản xuất/ dịch vụ và GTIN mã hóa vật phẩm liên quan. Khi chỉ ra chuỗi yếu tố này trong phần tiêu đề người không đọc được trên nhãn mã vạch, phải sử dụng tiêu đề dữ liệu (xem phần 3.2) **REFURB LOT**.

3.8.2 Tình trạng chức năng: AI (7021)

GS1 AI (7021) chỉ rõ trường dữ liệu GS1 AI chứa tình trạng chức năng.

Tình trạng chức năng của thương phẩm có thể cần nhà sản xuất đưa vào để đáp ứng yêu cầu về lập pháp hoặc về thương mại. Ví dụ: yêu cầu liên quan đến việc phê duyệt loại sản phẩm sẽ cho phép bán thương phẩm tại một quốc gia cụ thể.

Hình 3.8.2-1. Định dạng chuỗi yếu tố

Số phân định
ứng dụng

Tình trạng chức năng

7 0 2 1

X1———— độ dài thay đổi —————>X20

Dữ liệu được truyền đi từ đầu đọc mã vạch có nghĩa là chuỗi yếu tố đang biểu thị tình trạng chức năng đã được thu nhận. Vì chuỗi yếu tố này là một thuộc tính của thương phẩm nên PHẢI được xử lý cùng với GTIN mã hóa vật phẩm liên quan. Khi chỉ ra chuỗi yếu tố này trong phần tiêu đề người không đọc được trên nhãn mã vạch, phải sử dụng tiêu đề dữ liệu (xem phần 3.2): FUNC STAT.

3.8.3 Tình trạng sửa đổi: AI (7022)

GS1 AI (7022) chỉ rõ trường dữ liệu GS1 AI chứa tình trạng sửa đổi.

Tình trạng sửa đổi của thương phẩm có thể cần nhà sản xuất đưa vào để đáp ứng yêu cầu về lập pháp hoặc về thương mại. Ví dụ: yêu cầu liên quan đến việc phê duyệt loại sản phẩm sẽ cho phép bán thương phẩm tại một quốc gia cụ thể.

Hình 3.8.3-1. Định dạng chuỗi yếu tố

Số phân định
ứng dụng

Tình trạng sửa đổi

7 0 2 1

X1———— độ dài thay đổi —————>X20

Dữ liệu được truyền đi từ đầu đọc mã vạch có nghĩa là chuỗi yếu tố đang biểu thị tình trạng sửa đổi đã được thu nhận. Vì chuỗi yếu tố này phụ thuộc vào tình trạng chức năng nên PHẢI được xử lý cùng với tình trạng chức năng và GTIN mã hóa vật phẩm liên quan. Khi chỉ ra chuỗi yếu tố này trong phần tiêu đề người không đọc được trên nhãn mã vạch, phải sử dụng tiêu đề dữ liệu (xem phần 3.2): REV STAT.

Điều 3.8.4 – Mã toàn cầu phân định tài sản riêng cho một cấu kiện:

AI (7023) (Global Individual Asset Identifier of an assembly: AI (7023))

GS1 AI (7023) chỉ rõ trường dữ liệu GS1 AI chứa GIAI mã hóa một cấu kiện nào đó.

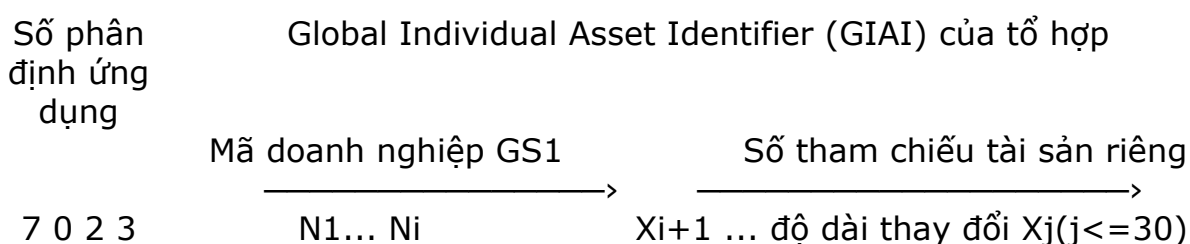
Một mã vạch bổ sung có chứa GIAI mã hóa một tổ hợp có thể cần được gán trên một thành phần phụ thuộc tổ hợp (còn được gọi là phần chính) trong trường hợp tổ hợp không có bề mặt thuộc riêng tổ hợp (và không thuộc bất kỳ thành phần phụ nào của tổ hợp). Để phân biệt giữa số phân định thành

phần phụ và số phân định tổ hợp thì một số phân định ứng dụng riêng sẽ được sử dụng cho tổ hợp. Xem ví dụ tại Điều 2.3.2.

Mã doanh nghiệp GS1 (xem phần 1.4.4) do tổ chức thành viên MO cấp cho công ty ấn định GIAI – người chủ hoặc người quản lý tài sản riêng đó.

Cấu trúc và nội dung của số tham chiếu tài sản riêng là tùy vào quyền của người chủ hoặc người quản lý tài sản và có thể bao gồm tất cả các ký tự được nêu trong Hình 7.11-1.

Figure 3.9.6-1. Format of the element string



Điều 3.9.4 – Mã toàn cầu phân định tài sản có thể quay vòng (GRAI): AI (8003) (Global Returnable Asset Identifier (GRAI): AI (8003))

Sửa đổi một số cấu văn đoạn 3,4,6 thành

Mã doanh nghiệp GS1 (xem Điều 1.4.4) được cấp bởi tổ chức MO cho công ty để cấp mã GRAI – là chủ sở hữu hoặc quản lý tài sản có thể quay vòng. Việc này tạo số GRAI là đơn nhất toàn cầu.

Số không ('0') ở vị trí ngoài cùng bên trái được thêm vào để sinh ra một số chẵn gồm 14 số (digit) tạo thuận lợi cho việc mã hóa hiệu quả.

Cấu trúc và nội dung loại tài sản là theo ý định của chủ sở hữu hoặc quản lý tài sản.

Số kiểm tra được giải thích tại Điều 7.9. Việc kiểm tra xác nhận số kiểm tra phải được thực hiện ở phần mềm ứng dụng, đảm bảo rằng số này được tổ hợp đúng.

Thành phần sêri tùy chọn được gán bởi chủ sở hữu hay quản lý tài sản. Nó nhận diện một tài sản riêng trong một loại tài sản cho trước. Trường này có chữ và số và có thể bao gồm tất cả các ký tự trong Hình 7.11-1.

Điều 3.9.5 – Số phân định tài sản toàn cầu riêng (GIAI): AI (8004)

(Global Individual Asset Identifier (GIAI): AI (8004))

Sửa đổi một số chỗ cho dễ hiểu hơn

Số phân định Ứng dụng (8004) chỉ ra rằng trường dữ liệu số Phân định Ứng dụng GS1 có chứa một mã GIAI. Mã GIAI được sử dụng để nhận diện đơn nhất các tài sản riêng.

CHÚ THÍCH: Chú ý rằng không được sử dụng chuỗi (string) phần tử này để nhận diện thực thể như một thương phẩm hoặc một đơn vị logistic. Nếu một tài sản được truyền giữa các bên, mã GIAI không được sử dụng để đặt hàng tài sản. Tuy nhiên, việc phân định tài sản có thể được trao đổi giữa các bên cho mục đích truy tìm nguồn gốc.

Mã doanh nghiệp GS1 (xem Điều 1.4.4) được cấp bởi tổ chức MO cho doanh nghiệp để ấn định mã GIAI là chủ sở hữu hay quản lý tài sản riêng. Điều này tạo ra số GIAI là đơn nhất toàn cầu.

Cấu trúc và nội dung của tham chiếu tài sản riêng là tùy theo ý muốn của chủ sở hữu hay quản lý tài sản. Số tham chiếu tài sản riêng này có thể bao gồm tất cả các ký tự được liệt kê trong Hình 7.11-1.

Điều 4.3.1.4 Thời gian để sử dụng lại GTIN

Bổ sung:

Ngành công nghiệp kĩ thuật: Không bao giờ sử dụng lại GTIN đã gắn trực tiếp trên các phần hợp thành và các bộ phận như được sử dụng trong kho và cơ sở hạ tầng ngành đường sắt,

Điều 4.3.1.10 – chú ý cấp mã GTIN cho việc gán mã trực tiếp (GTIN allocation considerations for direct marking)

Điều mới:

Dữ liệu gốc (master data) có liên kết tới mã GTIN được in trên vật phẩm (xem Điều 2.1.4 Gán mã trực tiếp) thường sẽ áp dụng cho vật phẩm tại thời điểm sản xuất và mua bán đầu tiên. Dữ liệu gốc sẽ không được áp dụng khi có thay đổi trên thương phẩm (cải tạo, cập nhật, mở rộng bộ nhớ .v.v...) Khi các thay đổi nêu trên xảy ra, GTIN gắn trên vật phẩm **CÓ THỂ** giữ nguyên, và các công ty sẽ cần đảm bảo rằng tất cả các bên đều hiểu rõ về dữ liệu gốc đó có thể thay đổi theo thời gian.

Điều 4.5

Đổi tiêu đề thành Quy tắc đối với số phân định tài sản GS1 (Rules for GS1 asset identifiers):

Điều 4.5.1.1 – Số phân định tài sản GS1 (GS1 asset identifiers)

Thay số phân định tài sản hệ thống GS1 (GS1 System asset identifier) thành số phân định tài sản GS1 (GS1 asset identifier)

Điều 4.5.1.2 – Thời gian tái sử dụng số phân định tài sản (Lead time in reusing GS1 asset identifiers)

Đảm bảo phù hợp với GDSN 13-082:

Tất cả các bên phát hành số phân định tài sản phải đảm bảo rằng KHÔNG BAO GIỜ được tái sử dụng số phân định tài sản (GRAI, GIAI) đã gán cho các trang thiết bị y tế để điều trị cho bệnh nhân.

Ngoài ra các mã GIAI đã gán trực tiếp lên các bộ phận và thành phần quan trọng về an toàn, chẳng hạn được sử dụng trong đường sắt cũng KHÔNG BAO GIỜ được tái sử dụng.

Điều 4.5.1.3 – Trách nhiệm (Responsibility)

Đảm bảo phù hợp với GDSN 13-082:

Chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản có trách nhiệm đối với việc phát hành và ấn định các số phân định tài sản GS1.

CHÚ THÍCH: Thuật ngữ “quản lý tài sản” bao gồm nhà sản xuất đã phát hành và cấp các số phân định tài sản được sử dụng trong suốt vòng đời tài sản. Hơn nữa, thực tiễn tốt nhất có thể cho thấy nhà sản xuất thương phẩm áp dụng số phân định tài sản đã phát hành bởi chủ sở hữu tài sản trong suốt quá trình sản xuất (xem điều 2.3).

Điều 4.5.5 – Thông tin liên quan về các số phân định tài sản (Information associated with asset identifiers)

Sửa đổi nội dung:

Dữ liệu liên quan đến tài sản phải được ghi lại và chia sẻ dạng kỹ thuật số sử dụng số phân định tài sản làm chìa khóa truy cập thông tin đó. Các ví dụ về loại thông tin đã xử lý bao gồm mã GLN của bên là chủ sở hữu hoặc quản

lý tài sản, giá trị của tài sản, địa điểm của tài sản và lịch sử vòng đời của tài sản.